

Num

Chapter 19

Vietnamese Interlinear

Reference: Vietnamese Bible (1934)

וַיְדַבֵּר יְהוָה אֶל-מֹשֶׁה וְאֶל-אַהֲרֹן לֵאמֹר: 1
Đức-Giê-hô-va và-phán đến Môi-se đến A-rôn cho-nói
[H0413](#) [H3068](#) [H0413](#) [H4872](#) [H0413](#) [H0559](#) [H0175](#) [H1696](#)

Đức Giê-hô-va lại phán cùng Môi-se và A-rôn rằng:

זֹאת הַחֹקֹת וְהַחֻמֹּת אֲשֶׁר-אֶתְּוָה לְפָנֶיךָ יְהוָה לְאמֹר וַיְדַבֵּר אֶל- 2
luật-pháp luật-lệ này mà truyền-lệnh Đức-Giê-hô-va phán cho-nói đến
[H8451](#) [H2708](#) [H2063](#) [H6680](#) [H3068](#) [H0559](#) [H1696](#) [H0413](#)

בְּנֵי יִשְׂרָאֵל וַיִּקְחוּ אֵלֶיהָ וּפְרָה אֲדָמָה אֲדָמָה תְּמִימָה אֲשֶׁר אֵין-בָּהּ 3
Y-sơ-ra-ên và-lấy với-người các-con-trai không-có mà không-tì-vết không-tì-vết
[H3947](#) [H3478](#) [H6510](#) [H0413](#) [H8549](#) [H0369](#)

מִוֹם אֲשֶׁר לֹא-עָלָה עָלֶיהָ עֹל: 4
tật-nguyên mà không đi-lên trên-nó
[H5923](#) [H5927](#) [H3808](#)

Này là lệ định của luật pháp mà Đức Giê-hô-va có truyền rằng: Hãy nói cùng dân Y-sơ-ra-ên và biểu dẫn đến người một con bò cái tơ sắc hoe, không tật không vít, và chưa mang ách.

וַיִּנְתְּנֶם אֲתָהּ אֶל-אֶלְעָזָר הַכֹּהֵן וְהוֹצִיאָהּ אֵל-לְמַחֲנֶה 3
và-đặt nó đến Ê-lê-a-sa thầy-tế-lễ và-ra nó cho-trại từ-bên-ngoài
[H5414](#) [H0853](#) [H0413](#) [H0499](#) [H3548](#) [H3318](#) [H0853](#) [H0413](#) [H4264](#) [H2351](#)

וַיִּשְׁחַט אֲתָהּ לְפָנָיו: 4
và-giết nó trước-mặt
[H6440](#) [H0853](#)

Đoạn phải giao nó cho Ê-lê-a-sa, thầy tế lễ, dẫn ra ngoài trại quân, rồi người ta giết nó trước mặt người.

וַלָּקְחָהּ אֶלְעָזָר הַכֹּהֵן מִדְּמָהּ תִּטֵּן בְּאֶזְבְּעוֹ וְהָיָה אֶל-נֶכַח פְּנֵי 4
và-lấy Ê-lê-a-sa thầy-tế-lễ từ-huyết-nó trong-ngón-tay-nó đến và-rầy trước-mặt
[H3947](#) [H0499](#) [H3548](#) [H1818](#) [H0676](#) [H0413](#) [H5227](#) [H6440](#)

אֶהְלֵךְ מִוֶּעֵד מִדְּמָהּ שִׁבְעַת פְּעָמִים: 5
lều hội-họp từ-huyết-nó bảy lần
[H0168](#) [H4150](#) [H1818](#) [H7651](#) [H6471](#)

Ê-lê-a-sa, thầy tế lễ, sẽ dùng ngón tay nhúng huyết nó rầy bảy lần phía trước của hội mạc.

וְשָׂרְף אֶת-הַפֶּרֶה לְעֵינָיו אֶת-עֹרָהּ וְאֶת-בְּשָׂרָהּ וְאֶת-דָּמָהּ עַל- 5
và-đốt — hợp-hội — cho-mắt-nó da-nó và thịt-nó và huyết-nó trên
[H8313](#) [H0853](#) [H6510](#) [H0853](#) [H5785](#) [H0853](#) [H1320](#) [H0853](#) [H1818](#)

פְּרִשָׁה יִשְׂרָף: 6
đốt thiêu
[H8313](#) [H6569](#)

Người ta sẽ thiêu con bò cái tơ đó trước mắt người, là thiêu da, thịt, và huyết với phần nó.

אל-	והשליך	תולעת	ושני	ואזוב	ארו	עץ	הכהן	ולקח	6
đến	và-ném	con-sâu	và-đỏ-tía	và-cây-bài-hương	cây-bá-hương	gỗ	thầy-tế-lễ	và-lấy	
H0413	H7993		H8144	H0231	H0730	H6086	H3548	H3947	

תוך	שרפת	הפרה:
giữa	שרפת	הפרה:
H8432	H8316	H6510

Kế đó, thầy tế lễ sẽ lấy cây hương nam, chum kinh giới, và màu đỏ sẫm, liệng vào giữa đám lửa thiêu con bò cái tở.

המתנה	אל-	יבוא	ואחר	במים	בשרו	ורחץ	הכהן	בגדיו	וכבס	7
trại	đến	đến	và-sau	trong-nước	thịt-nó	và-rửa	thầy-tế-lễ	áo-nó	và-giặt	
H4264	H0413	H0935		H4325	H1320	H7364	H3548		H3526	

וּטְמֵא	עד-	הכהן	וְכִבֵּס
và-ô-ue	cho-đến	thầy-tế-lễ	áo-nó
H6153	H5704	H3548	

Đoạn, thầy tế lễ phải giặt áo xống và tắm mình trong nước, sau rồi vào trại quân, bị ô uế đến chiều tối.

עד-	וּטְמֵא	במים	בשרו	ורחץ	במים	בגדיו	וכבס	אתה	והשרף	8
cho-đến	và-ô-ue	trong-nước	thịt-nó	và-rửa	trong-nước	áo-nó	giặt	nó	và-đốt	
H5704		H4325	H1320	H7364	H4325		H3526	H0853	H8313	

הערב:
chiều-tối
H6153

Kẻ nào thiêu con bò cái tở phải giặt áo xống và tắm mình trong nước, bị ô uế đến chiều tối.

למתנה	מחוץ	והניח	הפרה	אפר	את	טהור	איש	וְאָסַף	9
cho-trại	từ-bên-ngoài	và-đặt-xuống	הפרה	אפר	—	sạch	người	và-nhóm-lại	
H4264	H2351	H3240	H6510	H0665	H0853	H2889	H0376	H0622	

למי	למשמרת	ישראל	בני-	לעדת	וְהִיטָה	טהור	במקום
cho-nước	cho-nhiệm-vụ	Y-sơ-ra-ên	các-con-trai	cho-hội-chúng	và-là	sạch	trong-nơi
H4325	H4931	H3478		H5712	H1961	H2889	H4725

הוא:	הטאת	נדה
ấy	tội	sự-không-thanh-sạch
H1931		H5079

Một người tinh sạch sẽ hốt tro con bò cái tở đổ ngoài trại quân, trong một nơi tinh sạch; người ta phải giữ tro đó cho hội dân Y-sơ-ra-ên để dùng làm nước tẩy uế: ấy là một của lễ chuộc tội.

והיטה	הערב	עד-	וּטְמֵא	בגדיו	את-	הפרה	אפר	את-	האסף	וכבס	10
và-là	chiều-tối	cho-đến	và-ô-ue	áo-nó	—	הפרה	אפר	—	nhóm-lại	và-giặt	
H1961	H6153	H5704				H0853	H6510	H0665	H0853	H0622	H3526

עולם:	לחקת	בתוכם	הנר	ולקח	ישראל	לבני
đời-đời	cho-luật-lệ	trong-giữa-họ	ngụ	và-cho-người-ngoại-kiều	Y-sơ-ra-ên	các-con-trai
H5769	H2708	H8432		H1616	H3478	

Kẻ nào hốt tro con bò cái tở phải giặt áo xống mình và bị ô uế đến chiều tối. Điều này sẽ làm một lệ định đời đời cho dân Y-sơ-ra-ên và cho khách ngoại bang kiều ngụ giữa dân đó.

ימים:	שבעת	וּטְמֵא	אדם	נפש	לכל-	במת	הנגע	11
ngày	bảy	và-ô-ue	người	linh-hồn	mọi	trong-chết	chạm	
H3117	H7651		H0120	H5315	H3605	H4191	H5060	

Ai đụng đến một xác chết của người nào sẽ bị ô uế trong bảy ngày.

יָטָהַר 12
 được-thanh-sạch
[H2891](#)

וּבַיּוֹם
 và-trong-ngày
[H3117](#)

הַשְּׁלִישִׁי
 thứ-ba
[H7992](#)

בְּיוֹם
 trong-ngày
[H3117](#)

וְיִתְחַטָּא
 phạm-tội
[H2398](#)

הָאֵץ
 ấy
[H1931](#)

לֹא
 không
[H3808](#)

וּבַיּוֹם
 và-trong-ngày
[H3117](#)

הַשְּׁלִישִׁי
 thứ-ba
[H7992](#)

וְיִתְחַטָּא
 phạm-tội
[H2398](#)

לֹא
 không
[H3808](#)

וְאִם-
 và-nếu
 יָטָהַר
 được-thanh-sạch
[H2891](#)

Ngày thứ ba và ngày thứ bảy, người ấy phải dùng nước này làm cho mình được sạch, thì sẽ được sạch; còn nếu ngày thứ ba và ngày thứ bảy không làm cho mình được sạch, thì người vẫn không tinh sạch.

כָּל- 13
 הַנִּגָּע
 chạm
[H5060](#)

וְיִתְחַטָּא
 phạm-tội
[H2398](#)

וְלֹא
 và-không
[H3808](#)

וְיָמוּת
 chết
[H4191](#)

אֲשֶׁר-
 mà
[H0120](#)

בְּנֶפֶשׁ
 trong-linh-hồn
[H5315](#)

מִי
 nước
[H4325](#)

כִּי
 vì
[H3478](#)

מִיִּשְׂרָאֵל
 từ-Y-sơ-ra-ên
[H1931](#)

וְנִכְרְתָהּ
 và-cắt-đứt
[H3772](#)

טָמְאָה
 ô-uế
[H3068](#)

בּוֹ:
 —
[H2932](#)

וְיָהוָה
 là
[H1961](#)

עָלָיו
 trên-nó
[H2236](#)

לֹא-
 không
[H3808](#)

נִגְיָה
 sự-không-thanh-sạch
[H5079](#)

Phạm người nào đụng đến xác chết của người nào và không làm cho mình được sạch, thì sẽ gây cho đền tạm của Đức Giê-hô-va bị ô uế. Người đó sẽ bị truất khỏi Y-sơ-ra-ên; vì nước tẩy uế không có rảy trên mình người, nên người vẫn ô uế; sự ô uế của người vẫn ở trên mình người vậy.

זֹאת 14
 הַתּוֹרָה
 luật-pháp
[H8451](#)

אֲשֶׁר
 mà
[H3605](#)

וְכָל-
 và-mọi
[H0168](#)

אֵל-
 đến
[H0413](#)

כָּל-
 mọi
[H3605](#)

בְּאֶהָל
 trong-lều
[H0168](#)

יָמוּת
 chết
[H4191](#)

כִּי-
 vì
[H0120](#)

אֲדָם
 người
[H0120](#)

וְיָמִים:
 ngày
[H3117](#)

שִׁבְעַת
 bảy
[H7651](#)

Này là luật pháp khi có một người nào chết trong trại: bất kỳ ai vào trại và mọi vật chi ở trong đều sẽ bị ô uế trong bảy ngày.

וְכָל- 15
 הָאֵץ
 ấy
[H1931](#)

טָמְאָה
 ô-uế
[H2931](#)

עָלָיו
 trên-nó
[H6616](#)

אֲשֶׁר
 mà
[H0369](#)

כָּלִי
 đồ-dùng
[H3627](#)

Phạm bình đựng nào để trống, không có nắp đậy buộc theo, sẽ bị ô uế.

וְכָל- 16
 אֲשֶׁר-
 mà
[H3605](#)

אוֹ
 hoặc
[H2719](#)

בְּחִלְלֵי-
 trong-người-bị-giết
[H2719](#)

עַל-
 trên
[H5060](#)

יָנַע
 chạm
[H5060](#)

בְּמַת
 trong-chết
[H4191](#)

אוֹ
 hoặc
[H0120](#)

אֲדָם
 người
[H0120](#)

שִׁבְעַת
 bảy
[H7651](#)

Ngoài đồng, ai đụng đến hoặc một người bị gươm giết, hoặc một xác chết, hoặc hài cốt loài người hay là một cái mã, thì sẽ bị ô uế trong bảy ngày.

וְלִקְחוֹ 17
 và-lấy
[H3947](#)

כָּלִי:
 đồ-dùng
[H3627](#)

אֵל-
 đến
[H0413](#)

מִיִּם
 nước
[H4325](#)

וְנָתַן
 và-đặt
[H5414](#)

עָלָיו
 trên-nó
[H4325](#)

וְנָתַן
 và-đặt
[H5414](#)

Về kẻ bị ô uế, người ta phải lấy tro của con sinh đã bị thiêu đặng chuộc tội, để trong một cái bình và đổ nước chảy lên trên.

וְעַל- và-trên	הָאֵהָלָה lều	עַל- trên	וְהָזָה và-rảy	טָהוֹרִים sạch	אִישׁ người	בְּמִים trong-nước	וְטָבַל và-nhúng	אֲזוֹב cây-bài-hương	וְלָקַח và-lấy	18
	H0168			H2889	H0376	H4325	H2881	H0231	H3947	
או hoặc	בְּעֵצִים bằng-đá	הַנֶּחֱזַע chạm	וְעַל- và-trên	שָׁם ở-đó	הֵי- là	אֲשֶׁר mà	הַנְּפֹשׁוֹת linh-hồn	וְעַל- và-trên	הַכְּלָיִם đồ-dùng	כָּל- mọi
	H6106	H5060		H8033	H1961		H5315		H3627	H3605
				בְּקֶבֶר: trong-chết	או hoặc	בְּמֵת trong-chết	או hoặc	בְּחֵלֶל trong-người-bị-giết		
				H6913		H4191				

Đoạn, một người tinh sạch sẽ lấy chum kinh giới nhúng vào nước, rồi rảy trên trại, trên các bình, trên những người có tại đó, và trên người đã đụng, hoặc những hài cốt, hoặc một người bị giết, hoặc một xác chết hay là một cái mã.

וְחִטָּאוּ và-phạm-tội-nó	הַשְּׁבִיעִי thứ-bảy	וּבַיּוֹם và-trong-ngày	הַשְּׁלִישִׁי thứ-ba	בַּיּוֹם trong-ngày	הַטְּמֵא ô-uế	עַל- trên	הַטָּהוֹרִים sạch	וְהָזָה và-rảy	19
H2398	H7637	H3117	H7992	H3117	H2931		H2889		
בְּעֶרְבָּ: trong-chiều-tối	וְטָהַר và-được-thanh-sạch	בְּמִים trong-nước	וְרָחַץ và-rửa	בְּגָדָיו áo-nó	וְכִבְּסָם và-giặt	הַשְּׁבִיעִי thứ-bảy	בַּיּוֹם trong-ngày		
H6153	H2891	H4325	H7364		H3526	H7637	H3117		

Ngày thứ ba và ngày thứ bảy, người tinh sạch phải rảy nước đó trên người bị ô uế, và ngày thứ bảy người tinh sạch sẽ làm cho người được sạch, Người đương được sạch phải giặt áo xống mình, tắm mình trong nước, và đến chiều tối mới được tinh sạch.

מִתּוֹךְ từ-giữa	הָהוּא ấy	הַנְּפֹשׁוֹת linh-hồn	וְנִכְרְתָהּ và-cắt-đứt	יְחִתְּפֶא phạm-tội	וְלֹא và-không	וְטָמֵא ô-uế	אֲשֶׁר- mà	וְאִישׁ và-người	20
H8432	H1931	H5315	H3772	H2398	H3808			H0376	
לֹא- không	נִדְּהָה sự-không-thanh-sạch	מִי nước	טָמֵא ô-uế	יְהוָה Đức-Giê-hô-va	מִקְדָּשׁ nơi-thánh	אֶת- —	כִּי vì	הַקְּהָל hội-chúng	
H3808	H5079	H4325		H3068	H4720	H0853		H6951	
						הוּא: ấy	טָמֵא ô-uế	עָלָיו trên-nó	זָרַק rảy
						H1931	H2931		H2236

Còn người nào sẽ bị ô uế mà không làm cho mình được sạch, một người như vậy sẽ bị truất khỏi hội chúng; vì người đã làm cho nơi thánh của Đức Giê-hô-va bị ô uế. Nước tẩy uế không có rưới trên mình người: người vẫn ô uế.

בְּגָדָיו áo-nó	וְכִבְּסָם giặt	הַנְּדָה sự-không-thanh-sạch	מִי- nước	וּמִזָּה và-rảy	עוֹלָם đời-đời	לְחֻקַּת cho-luật-lệ	לָהֶם cho-nó	וְהִיָּתָה và-là	21
	H3526	H5079	H4325		H5769	H2708		H1961	
		הָעֶרְבָּ: chiều-tối	עַד- cho-đến	טָמֵא ô-uế	הַנְּדָה sự-không-thanh-sạch	בְּמִי trong-nước	וְהַנְּעִעַ và-chạm		
		H6153	H5704		H5079	H4325	H5060		

Ấy sẽ là một lệ định đời đời cho dân sự. Người nào rảy nước tẩy uế sẽ giặt áo xống mình: kẻ nào đụng đến nước tẩy uế sẽ bị ô uế đến chiều tối.

הַעֲרֵב: עַד- הַטָּמֵא הַנִּנְעָת וְהַנֶּפֶשׁ יִטָּמֵא הַטָּמֵא בּוֹ יִנְעֵ- אֲשֶׁר- וְכֹל 22
chiều-tối cho-đến ô-uế chạm và-linh-hồn ô-uế ô-uế — chạm mà và-mọi
[H6153](#) [H5704](#) [H5060](#) [H5315](#) [H2931](#) [H5060](#) [H3605](#)

כִּי
—

| Phàm vật chi mà người ô uế đụng đến, đều sẽ bị lây ô uế; còn ai đụng đến người đó sẽ bị lây ô uế đến chiều tối.